

DI TÍCH MỘ TÁNG THỜI NGUYỄN Ở SÀI GÒN - GIA ĐỊNH XƯA

PHẠM ĐỨC MẠNH*

Di tích mộ cổ trên địa bàn Sài Gòn - Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh vốn có mật độ dày đặc nhất Nam Bộ, nhưng do nhiều nguyên nhân và biến động xã hội đã bị giảm đi nhiều qua các thời kỳ lịch sử.

Ngoại trừ các quần thể lăng mộ được các nhà khoa học khai quật như: mộ Phó Tổng trấn Gia Định Huỳnh Công Lý ở Vườn Chuối (quận 3); các quần thể mộ đôi Phú Thọ ở đường Lý Thường Kiệt và ở đường Nguyễn Tri Phương (quận 10); khu lăng tẩm và Từ đường họ Huỳnh trong khu vực Sepzone Linh Trung, Thủ Đức; mộ trong nhà dân đường Cách Mạng Tháng Tám (quận 3); mộ Bà trong khuôn viên Viện Pasteur (quận 1); mộ Thạnh Mỹ Lợi trong địa phận Công ty Huy Hoàng (quận 2). Đa phần di tích bị “xóa sổ” do thời tiết, khí hậu, hoặc do bị đào trộm, di dời khẩn cấp, bị giải tỏa một phần và giải tỏa trắng... phục vụ nhiều quy hoạch xây dựng mới cả công (mở mang đường xá, cầu cống, sân bay, doanh trại quân sự, nhà tù, các khu chế xuất - khu công nghiệp, các trường học, bệnh viện, khu dân cư và hoa viên...) lẫn tư gia. Ví như, mộ Lê Văn Phong - em ruột Tà quân Lê Văn Duyệt ở quận Phú Nhuận trong khu vực Bộ Tổng Tham mưu ngày cũ (chôn năm 1824); mộ quan Nhất phẩm Thượng thư Hàn lâm Cơ mật Viện Trần (Nguyễn) Văn Học (chôn năm 1837); khoảng 300 mộ cổ có nhiều mộ hợp chắt ở Khu chế xuất Tân Thuận; 213 ngôi ở khuôn viên Trung tâm Đào tạo kỹ thuật hướng nghiệp và dạy nghề Thủ Đức; 3 mộ ở Chí Hòa; các mộ ở Cư xá Đô thành và khuôn viên Trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh; mộ bà Trần Thị Diệu, mộ bà Nguyễn Thị Hiệu cùng 10 mộ cổ ở xóm Cái và gần 20 mộ dọc các trục đường Ngõ Quyền, Nguyễn Trãi, An Dương Vương vùng Chợ Lớn (quận 5); các mộ trong khuôn viên chùa Tuyền Lâm (quận 6); các mộ ở đường Lê Thánh Tôn, Nguyễn Văn Cừ (quận 1); các mộ ở đường Lý Thường Kiệt (quận 10) và 5 mộ ở phường 3 (quận 11); các mộ trong khuôn viên Siêu thị Miền Đông trên đường Hoàng Văn Thụ (quận Phú Nhuận); các mộ bị đào phá ven đường Huỳnh Tấn Phát giáp ranh hai quận 4, 7 và ở Hóc Môn, cùng 10 mộ quanh đồi Mu Rùa ở ấp Bến Đò, đối diện chùa Hội Sơn... (Lê Xuân Diệm, Đỗ Đình Truật 1977; Phạm Đức Mạnh 2001, 2006, 2014, 2016; Phạm Đức Mạnh, Lê Xuân Diệm 1996; Phạm Đức Mạnh, Nguyễn Chiến Thắng 2014).

Theo thống kê của tôi (Phạm Đức Mạnh 2016), trên toàn Nam Bộ còn lưu giữ khoảng 518 lăng tẩm và mộ táng hợp chắt, cùng hàng nghìn cỗ mộ được xây bằng chất liệu đá, đá ong, cement armé (xi măng) ở thời Trung và Cận đại. Đa phần mộ táng hợp chắt phân bố ở thành phố Hồ Chí Minh (199 di tích = 38,4%), thuộc địa giới xưa dành riêng cho các “Cánh đồng mộ” qua thống kê của học giả Pháp (Jean Bouchot, J.C.Baurac, Silvestre...) với hàng trăm quần thể, đa phần có cấu tạo hợp chắt, giới hạn bởi các

*Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh.

đường Chasseloup Laubat và Jean-Jacques Rousseau (nay là đường Nguyễn Thị Minh Khai) và đường Impériale, Nationale và Paul Blanchy (nay là đường Hai Bà Trưng), gồm cả nơi mà nhà Cách mạng Nguyễn Ái Quốc trong *Bản án chế độ thực dân Pháp* gọi là *Đồng Mã Ngụy* - nơi chôn 1.137 thi thể bị chém sau cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi ở Phiên An (Gia Định) những năm 1833 - 8/9/1835. Theo cổ học giả Vương Hồng Sển (2013), "*Mã Ngụy*" ở chính vị trí "*Đồng tập trận*" của binh sĩ thuộc quyền Tả quân Lê Văn Duyệt, Tổng trấn Gia Định, còn gọi là "*Mã Biền Tru*" mà các học giả Trương Vĩnh Ký (*Histoire Annamite*:264), Lê Văn Phát (1924) và Đặng Văn Ký gọi là "*Cánh đồng mộ*" (la Plaine des Tombeaux; Champ du Polygone actuel) ở gần trường đua cũ, làng Chí Hòa tại góc đường Thuận Kiều (đường Lê Văn Duyệt cũ) và gần Đường đường Bình Dân đường Général Lizé (đường Phan Thanh Giản cũ), xưa còn gắn trụ đề: "*Nguy tắc nhất vong trình tru*" (quân giặc bắt chung một lưới bị giết hết). Vào thời đó, đường xe lửa Sài Gòn - Chợ Lớn chạy xuyên qua "*Cánh đồng Mộ*": "Sách nói khi xưa làm con đường này (đường Lý Thái Tổ nay), gặp rất nhiều mồ mả (ất chôn đồng tập trận cũ), Lang Sa có lệ phát ba quan tiền và một xấp vải cho mỗi ngôi mộ và mả bị cải táng".

1. Di tồn mộ cổ Sài Gòn - Gia Định xưa

Trên địa bàn quận 1, 9, di tích ghi nhận ở các lăng song táng trên đường Nguyễn Trãi và Nguyễn Văn Cừ, mộ đơn táng khai quật trong khuôn viên dinh Thống Nhất... Đặc biệt, các mộ còn bia đá khắc danh cụ Thiện nhân Trịnh Hưng Kim (善人鄭興金) triều "Hoàng Thanh" (皇淸) ở phường Nguyễn Cư Trinh; cụ tổ Trương Thừa Huy, tên thụy là Ôn Kiệt (張承揮諡溫楫), người từng dạy Minh Mạng trước khi lên ngôi do chí sĩ yêu nước Trương Gia Mô (張嘉謨) (1866 - 1930), ông nội học giả Trần Bạch Đằng (Trương Gia Triều) lập bia ở phường Cô Giang; mộ do Nguyễn Chiến Thắng khai quật ở đường Trần Đình Xu còn bia khắc quốc hiệu "Đại Nam" (大南) năm 1899 mà chủ nhân có thể là Huỳnh Văn Miêng ("*Câu Hai Miêng*" - con trai đầu của Lãnh binh Huỳnh Văn Tấn) là "một nhân vật kỳ quái của Gò Công dưới thời Pháp thuộc" (Huỳnh Minh 1973). Riêng khu lăng song táng được bảo tồn ở Vườn Tao Đàn (phường Bến Thành) còn 2 bia đá khắc quốc hiệu "Đại Nam" ghi danh vợ chồng Lâm Tam Lang (林三朗) mà theo truyền tụng có hậu duệ đời thứ tư là cụ Lâm Quang Ky - Phó lãnh binh của anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực, đã góp phần không nhỏ trong trận chiến thắng Nhật Tảo lầy lừng (Phạm Đức Mạnh, Nguyễn Chiến Thắng 2014).

Trong địa phận quận 2, các quần thể mộ Nguyễn tập trung ở gò Quéo (gò Cát), phường Bình Trị Đông (21 mộ); trong nghĩa trang Nam Đào, phường Bình Trị Tây (4 mộ) và tại gò Ông (gò Rồng) (13 mộ); khu dân cư và đình thần An Khánh (5 mộ), cùng 8 mộ đá xanh ở phường Thạnh Mỹ Lợi. Khu gò mộ gò Quéo tương truyền là nghĩa trang hai tướng Nguyễn (ông Bồn và ông Ёn) và 19 mộ gia quyến còn bia đá ghi quốc hiệu "Hoàng Việt" (皇越) khắc năm Kỷ Mão thời Gia Long (1819) ở mộ Tả tham tri Bộ lại thụy Đôn Mẫn Phạm quý công (卿吏部左參知澈濤侯諡敦敏范貴公) và quốc hiệu "Đại Nam" khắc năm Tân Hợi (1851) của Tuần phủ Bắc Ninh, Tả tham tri bộ Binh Phạm Khắc Đông thụy Trang Khải (兵部左參知北寧巡撫范克東敦莊凱) (Lê Trung, Phạm Hữu Công 1998; Nguyễn Hải Đường 2007). Trong các khu vực khác, ngoài các mộ đã khai quật có hậu chảm khắc chữ "Thần" (神) còn nhân cốt nam đeo nhẫn vàng ở phường An Khánh và hậu chảm khắc "Nam mô A di đà Phật" (南無阿彌陀佛) ở gần chùa Ông ven sông Sài Gòn (giống hậu chảm mộ đá đường Phan Xích Long (Phủ Nhuận) và Phước Lộc (Nhà Bè); các mộ còn bia quốc hiệu "Hoàng Việt" khắc năm 1823 ghi danh Cung nhân họ Nguyễn (阮氏恭人) ở phường Bình Trị Tây; cùng nhiều mộ còn bia khắc quốc hiệu "Hoàng Nguyễn" (皇阮) khắc năm 1842 ghi danh Trần Thị thụy Trinh Thuận Nhụ nhân (陳氏諡貞順孀人),

Lê Thị Hiệu Toàn thực Nhụ nhân (黎氏號全淑孺人). Đa phần các mộ còn bia “Đại Nam” ở phường An Phú ghi danh các bà Hồ Thị (胡氏) và Nguyễn Đồng (阮銅); ở phường Thạnh Mỹ Lợi của các bà Phan Quân Tế (潘均濟), Đào Thị Kiết (陶氏吉), các ông Đào Bá Tập (陶伯習), Đào Thuần Lương (陶純良), Phan Thuần Lương (潘純良), Tú tài Gia Định Phan Dân Trang (嘉定秀才潘良莊), Hồng Văn Khá (洪文壽) và Phó Thị phu nhân, Hồng Vương Phú (洪王富) và Hồng Thị Ký (洪氏記), Hồng Văn (洪文)... Ngoài ra, còn có các mộ song táng chung bia “Đại Nam” khắc chung cha Phan Thuần Nhất và mẹ Ngô Đại Nghiệp (考潘純, 妣吳大業), cha Bá Thần Hồng Công và mẹ thùy Quân Từ Hồ Thị (考諭伯神洪公, 妣君子胡氏) và cả bia khắc đại tự “Minh Hương” (明鄉) khắc chung cha Trần Khuyết Chi và mẹ Hồ Khôn Thừa (考陳厥止 妣胡坤承) và các đại tự: “Nam Kỳ” (南圻) của mộ Giang Xương (江昌), “Gia Định” (嘉定) của Trần Lý Nam tự Diên Niên (陳李男字延年).

Trên địa bàn quận 3, ngoài mộ Vườn Chuối khai quật năm 1977 còn nguyên di cốt nam hơn 60 tuổi cùng minh tinh chữ Nho được giám định là Huỳnh Công Lý nguyên Phó Tổng trấn Gia Định thời Minh Mạng bị Tả quân Lê Văn Duyệt trảm vì tham nhũng năm Tân Tỵ, tức năm Minh Mạng thứ 2 (1821) (Lê Xuân Diệm, Đỗ Đình Truật 1977); các quần thể mộ hợp chắt hiện chỉ còn tập trung trong các phường 8, 10 và 11. Ở cụm 8 mộ đường Pasteur (phường 8), lăng tẩm lớn nhất được tôi khai quật và di dời nhà mồ - nhà bia khắc quốc hiệu “Việt Cổ” (越故) cùng di cốt và tùy táng phẩm (1 lược đồi mỗi bọc đai vàng, đôi bông tai vàng, trâm đồng, chuỗi hổ phách) về Bảo tàng Lịch sử - Văn hóa, Trường ĐHKHXH & NV, Đại học Quốc gia TP.HCM) là của Võ Thục Nhân chánh thất quan tham tri bộ Lại họ Lê (niên đại ^{14}C vào cuối thế kỷ XVIII: $157 \pm 50 \text{ BP}$ (1793) (Phạm Đức Mạnh 2006). Lăng song táng khai quật trên đường Trần Văn Đang (phường 11) còn bia khắc năm Tự Đức thứ 10 (1857) ghi danh Thừa vụ lang Trần Đôn Nhã (承務郎陳敦雅).

Trên địa bàn quận 5, các mộ cổ đáng chú ý nhất kiến thiết bằng hợp chắt ghi nhận ở phường 8 (16 ngôi) và phường 11 (1 ngôi trong khuôn viên Trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh). Trong 16 mộ do nhà khảo cổ học Đỗ Đình Truật khai quật năm 1994 ở xóm Cải (phường 8), lăng song táng lớn nhất còn lá triện lợp ghi “Hoàng gia cung liệm” (皇家恭殮) với thi hài bà còn nguyên và ít di cốt ông tuổi cỡ hơn 60 mang tùy táng quý (3 vòng vàng đặc, 6 nhẫn vàng đính mặt đá quý, bông tai và hạt đá quý, chuỗi hạt bồ đề, quạt giấy xếp, lược sừng, bút lông, ống và cây ngaoay trầu bằng đồng, hộp vôi bằng bạc), đặc biệt còn túi gấm chứa 1 lòng phái quy y tam bảo¹, 1 bài chú vãng sinh Tịnh độ viết tay chữ Hán, 1 giấy chữ nhật ghi hồng danh Ngũ Phương Phật, 1 giấy ghi câu chú Mật tông của bà Trần Thị Hiệu, pháp danh Minh Trường, thuộc đời tổ thứ 31 - 37 của dòng đạo Bồ Đề Nguyên, tông Lâm Tế, quy y ngày Rằm tháng 10 năm Mậu Dần (Đỗ Đình Truật 1998; Trần Hồng Liên 1995a, 1995b). Ở phường 2, các mộ trên đường Nguyễn Trãi còn bia khắc 1821 ghi danh Cung nhân Đoàn chính Nguyễn Thị làm dâu họ Trần (恭人端正陳門阮氏), cùng bia khắc 1822 ghi chung Võ công Tướng quân Đô đốc Trần Võ Cự (武功將軍都督陳武鉅) và Nhất phẩm Phu nhân Thái Thị Trường Thu (一品夫人葵氏長秋). Riêng nhà lăng học giả Trương Vĩnh Ký (1837 - 1898) trong khuôn viên nhà dòng nữ Chợ Quán là kiến trúc theo phong cách Thiên Chúa giáo Phương Tây với nhiều họa tiết đặc sắc văn hóa Phật giáo Phương Đông tam táng trên nền tòa nhà song song, đóng khuôn gán 3 tấm bia cẩm thạch hình chữ nhật khắc chữ Pháp và chữ Quốc ngữ:

“Ci - gil, J - B, Pétrus Trương Vĩnh Ký, professeur de langues orientales décédée le 1-er Septembre 1898, dans sa 62 année” (tạm dịch nghĩa: Nơi yên nghỉ của J - B, Pétrus Trương Vĩnh Ký, Giáo sư Ngôn ngữ học Phương Đông, mất ngày 1 tháng 9 năm 1898, thọ 62 tuổi) (giữa).

“Ci - gil, Maria Truong Vinh Ky, née Vuong Thi Tho décédée le 17 Juillet 1907, dans sa 68 année” (tạm dịch nghĩa: Nơi yên nghỉ của Bà Trương Vĩnh Ký, mất ngày 17 tháng 7 năm 1907, hưởng thọ 68 tuổi) (trái).

“Ci - gil, J - B, TE. Truong Vinh The Doc Phu Su, Chevalier de la Légion d'honneur, décédée le 26 Octobre 1916 à Chợ Quan, dans sa 55 année” (tạm dịch nghĩa: Nơi yên nghỉ của J - B Trương Vĩnh The, Đốc phủ Sứ, tướng thưởng “Hiệp sĩ Danh dự”, mất ngày 26 tháng 10 năm 1916 ở Bệnh viện Chợ Quán, hưởng dương 55 tuổi) (phải).

Trong địa bàn quận 6, các ngôi mộ hợp chất tập trung ở phường 9, với bia “Việt Cổ” khắc danh Lê Trương Mai (黎張梅) trên đường Hùng Vương; bia mộ Hoàng Lê Kha khắc 7 đại tự “Phối can khôn cách tư hoài đức” (配乾坤格思懷德) được hòa thượng Thích Huệ Chí (chùa Giác Viên, quận 11) dịch là: “Trong Trời đất này đây là người có đạo đức để nhớ” (Trần Hồng Liên 2008). Trong cụm mộ đá giữa khuôn viên đình Bình Hòa, mộ còn bia khắc số Latin: “1863” và quốc hiệu “Việt Nam” (越南) ghi danh lãnh tụ vùng Chợ Lớn của Bình Tây Đại nguyên soái Trương Công Định là ngài Phạm Văn Chí - linh thần đình Bình Hòa thờ đó. Trên địa bàn quận 9, trong các quần thể mộ cổ kiến thiết bằng hợp chất, đá xanh Biên Hòa, đá ong, ghi nhận trong các phường Long Bình, Long Phước, Long Thạnh Mỹ, Tân Phú và Hiệp Phú. Đáng chú ý là mộ hợp chất đục đặc nguyên khối vuông còn khắc quốc hiệu “Việt Cổ” ở phường Long Bình; các mộ đá còn bia “Đại Nam” ở phường Hiệp Phước ghi danh “trưởng thôn Tăng Phú Nguyễn Chính” (增富村奇長姓阮字正) và vợ cả Đào Thị Hồng Yến (陶氏紅晏); mộ có bia đá Non Nước trắng khắc chìm: Mộ phần Nghị viên Địa hạt Đặng Tân Xuân, mất ngày 24 tháng 01 năm 1925, thọ 63 tuổi, lập mộ năm 1928, viết bằng chữ Quốc ngữ và chữ Pháp...

Trên địa bàn quận 10, lăng song táng chúng tôi khai quật từ 1995 trên đường Lý Thường Kiệt còn di sản Hán Nôm ở hậu chẩm y và trụ sen, thẻ ngà, đồ tùy táng gồm sứ ký hiệu: “*Ngoan Ngọc*” (玩玉), “*Hữu Ngọc*” (有玉), “*Trân Nguyên*” (珍元), cùng 9 đồng tiền lỗ vuông còn chữ: “*Bình*” (平), “*Bảo*” (寶) (có thẻ là tiền: “*Thái Bình thông bảo*” (太平通寶) loại lớn đúc thời tiền Gia Long (trước năm 1802) trong thời Nguyễn Phúc Thuần (Phạm Đức Mạnh, Lê Xuân Diệm 1996). Trong các mộ cổ thuộc quy hoạch C30, phường 14, còn các mộ còn bia khắc niên biểu “Đạo Quang” (道光) (1821 - 1850), “Hoàng Thanh” (皇清) và cả “Đại Nam” ghi danh mộ chủ các dòng họ cả Hoa lẫn Việt như Lâm, Quách Thị Ngọc (郭午氏), Quách Linh Chi (郭靈芝), Nguyễn Thị (阮氏), Nguyễn Thị vợ cả họ Lâm (正室夫人林門阮氏)... Ở phường 8, lăng song táng trên đường Nguyễn Tri Phương khai quật năm 2005 còn quách và quan gỗ ($^{14}\text{C} = 140 \pm 30\text{BP}$), di hài cụ bà và tùy táng phẩm (khánh bạc hình lưỡng phượng, lược đồi mồi, chuỗi hổ phách, quạt, túi gấm đựng 9 đồng tiền lỗ vuông (1 tiền “Thuận Trị” (紹治) (1644 - 1661) và 8 tiền “Khang Hy” (康熙) (1662 - 1722), trưng bày ở Bảo tàng Lịch sử - Văn hóa (Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG Tp. HCM) (Phạm Đức Mạnh, Nguyễn Chiến Thắng 2014). Trên địa bàn quận 11, các mộ còn bia “Việt Cổ” trên đường Thái Phiên (phường 2) khắc năm 1806 ghi danh Thiện Nhân Hà Cẩn Ý (何勤愷慎人) và trên đường Bình Thới (phường 3) khắc năm 1802 ghi danh Trình Liệt Thái Nhụ nhân là vợ cả họ Đỗ (杜門正室貞烈蔡孺人), cùng mộ song táng gần chùa Giác Viên ghi danh Thái phủ quân (太府君) và vợ cả Huỳnh Quý Nương (太門正室黃貴娘) (khắc năm 1835).

Trên địa bàn quận Tân Bình, mộ hợp chất song táng ven đường Nguyễn Thái Bình, phường 12, còn 2 bia đá trắng “Đại Nam” khắc năm 1850 ghi danh Hàn lâm viện Thị độc Học sĩ Lê Doan Trục (翰林院侍讀學士黎端直) và Chánh Tử phẩm Cung nhân Lương Trinh Thục (正四品宮人良貞淑).

Trong khuôn viên chùa Giác Lâm (đường Lạc Long Quân, phường 16), ngoài mộ đá cải táng danh nhân Ngô Nhân Tịnh (1761 - 1813) có bia sa thạch khắc “Khâm sai Công bộ Thượng thư Hiệp hành Tổng trấn Gia Định Thành, thụy Túc. Giản, Ngô hầu chi mộ” (欽差工部尚書協行嘉定誠總鎮睡肅簡吳侯之墓); còn có 2 ngôi dạng: “mộ tháp” cao gần 9m bằng hợp chất dành riêng cho các thiền sư Phật học phái Lâm Tế Tông của Đại lão hòa thượng Viên Quang (1758 - 1827) húy Tổ Tông và Thiền sư Tiên Giác - Hải Tịnh (1788 - 1875) là kiểu dáng đặc sắc và cầu kỳ bậc nhất của loại hình mộ hợp chất hiện biết ở TP. Hồ Chí Minh và Nam Bộ.

Trên địa bàn quận Phú Nhuận và vùng ven, “vùng đất cao ngoại thành, từ Bà Chiểu qua Phú Nhuận, Tân Sơn Nhất, Phú Thọ là nơi lý tưởng” của thuật phong thủy địa táng Việt xưa, cũng chính là địa bàn mật tập mộ cổ dày đặc nhất và là nơi yên nghỉ nhiều danh gia quý tộc Nguyễn đương thời. Trong các ngôi mộ khai quật trước năm 1975, mộ lớn nhất thuộc địa phận Bộ Tổng tham mưu nguy cũ, xây dựng kiên cố to lớn như “các lăng tẩm của các vị vua... dùng toàn đá xanh và vôi có pha chất nhựa nên rất kiên cố” của quan Nhất phẩm đại thần Trần Văn Học (chôn năm 1837), cùng mũ miện đại thần rập/chạm nổi vàng gắn Kim bạc sơn vàng rồng chạm “lưỡng long triều nhật”, Kim ba, Kim khóa nhãn, Kim như ý, Kim nhiều tuyến, đai lưng gắn 14 miếng phượng - biển vàng, đá saphir trắng và nhiều khuy vàng, bạc, đồng... (Mauger 1939); lăng Tả dinh Đô thống chế Lê Văn Phong (1769 - 1824) ở thôn Tân Sơn Nhứt cũ còn áo quan chứa thi hài, mào nạm vàng, áo, đai ngọc, đôi hia quan võm, kiếng gọng vàng, móc tai, kim đính và “Mả Vôi” còn di hài và tùy táng đại gia (lược đôi môi, cây xia răng bạc, cây móc tai dát vàng, quạt tre viết chữ: “Gia Khánh đệ... niên”; gói bọc đầy trầu bằng gấm có thêu kim tuyến chứa trầu, xác cau cứng chắc, bao đựng thuốc xia thuốc hút và khăn đỏ gói 2 bút lông mềm, quần bút bằng trúc)... (Huỳnh Minh 1973; Vương Hồng Sển 2013). Ngoài “*Đông Cung lăng*” ven đường Hoàng Văn Thụ khai quật năm 1992 có thể là “Lăng Ông Nhiều Lộc” mà học giả Vương Hồng Sển đã miêu tả (2013: 176) “có hình vuông vắn như ngôi nhà vững chắc trong sở đất sân bay Tân Sơn Nhất đường Chi Lăng ở khoảng giữa Võ Di Nguy và Ngô Đình Khôi (một mộ xưa nhỏ hơn bị Ty Vệ sinh Đô thành phá vì lấn ra ngoài đường Chi Lăng)”, các ngôi mộ là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia là lăng tưởng niệm Hoài Quốc công Võ Tánh (1768 - 1801) thuộc phường 9; lăng Long Vân hầu Trương Tấn Bửu (1752 - 1827) trên đường Nguyễn Thị Huỳnh ở phường 8 còn gắn biển: “Cổ tích liệt hạ, mộ Long Vân hầu, 1752 - 1827...” của Viện Khảo cổ, Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn cũ và lăng song táng Bình Giang Bá Võ Di Nguy (1745 - 1801) và phu nhân ở đường Cô Giang (phường 2). Ở phường 7, mộ cổ mật tập trên đường Nhiều Tứ và Phan Tây Hồ trong các khu “*Mả Đen*” và “*Mả Trắng*”, có các di sản Hán Nôm quý như hậu chẩm mộ bà Khương Thị Đức khắc chìm bài minh hơn 100 Hán tự năm Quý Hợi (1803 hoặc 1863); bia khắc đời Quang Tự (光緒) (1875)... Ngoài hai quần thể lăng lớn bia mờ trên đường Trần Hữu Trang (phường 11), mộ còn bia “Hoàng Việt” trên đường Huỳnh Văn Bánh (phường 12) ghi danh Phan Tấn Huỳnh - Huỳnh Quang Hầu, nguyên Phiên An tổng trấn (黃光侯, 原潘安總) lập năm Minh Mạng thứ 5 (Giáp Thân 1824) và cụm mộ tổ Lý Gia - Lý Nhật Tân trên đường Phan Xích Long trong khuôn viên Tổ đình Lý Dương Sanh cổ tự - chùa Từ Vân còn các bia đá: “Đại Nam” ghi danh bà Lý Chính (李政) và mộ tháp song táng đề tên bà Lý Thị Ly tam quy y pháp danh Ngọc Nữ (三皈依李氏璃法名姓玉女) và chồng F. Barbason, với bề mặt tháp chạm chữ: “Nam mô A di đà Phật”...

Trên địa bàn quận Bình Thạnh, quần thể nổi danh Đền Thượng công linh miếu (上公靈廟) - “Lăng Ông Bà Chiểu” ở đường Vũ Tùng - Đình Tiên Hoàng, phường 1 là mộ phần và miếu thờ Tả quân, Thượng tướng, Quận công - “Đức Thượng công đất Gia Định” Lê Văn Duyệt (1763 - 1832) và phu nhân

Đỗ Thị Phần xây cất và trùng tu chính khuôn viên 18.500m², bao bởi tường thành rộng ngang 15m, dài 20m, cao 1,2m, trở 4 cổng theo 4 hướng vào năm 1848 - 1849 dưới thời vua Tự Đức, trên trục chính từ tam quan gồm: nhà bia, với “Lê Công bi đình” (黎公碑亭) xây cùng nhà bia 1894, còn bia hoa cương “Lê Công miếu bi” (黎公廟碑) do Hoàng Cao Khải viết văn ngày 1/7/1894. Ngoài ra, còn cụm mộ đá bề thế nằm ven đường Nguyễn Trung Trực thuộc phường 5 còn bia Non Nước khắc: “Đại Nam” ghi danh ông bà Trương Văn Lánh (張文另), Nguyễn Thị Sung (阮氏充) ở xã Hạnh Thông, phủ Gia Định (嘉定省亨通社).

Trên địa bàn quận Gò Vấp, ngoài ngôi mộ hợp chắt song táng nằm trong khuôn viên chùa Gia Lâm (trên đường Lê Quang Định thuộc phường 1) đã bị giải tỏa, các quần thể mộ hợp chắt và các mộ đá được quy hoạch bảo vệ tập trung ở các đường Nguyễn Văn Nghi và Phan Văn Trị (phường 7), đặc biệt 5 di tích trong nghĩa địa thuộc Từ đường Trương Gia (gia tộc của Trương Minh Giảng xưa) ở các hẻm 82 - 102 Lý Thường Kiệt, gần chợ Gò Vấp. Mộ song táng với hai nấm mộ hình khối hợp chắt lớn nhất mà người coi sóc Từ đường Trương Văn Ba cho biết nhà văn Sơn Nam nhiều lần đến thăm vì cho là phần mộ ông bà Trương Minh Giảng (?) còn nguyên khuôn viên với tường thành, trụ biểu, bình phong tiền - hậu chằm bề thế. Theo cổ học giả Vương Hồng Sển (2013: 177), mộ phần dòng họ Trương Minh ở Gò Vấp, đáng quý là phủ thờ lưu hơn trăm bài vị tiền nhân trong dòng họ, còn bàn thờ, hoành phi, liễn đối ở nhà Thế Tài Trương Minh Ký, học giả đồng thời Sĩ Tài Trương Vĩnh Ký. Mộ ô dưc của ông bà Trương Minh Giảng xây ô dưc kiểu thế kỷ XIX, mộ Trương Minh Ký đã “lai Tây” có nóc bắt bông thạch cao kiểu mô mã đạo Thiên Chúa, cháu con toàn mà có bia Việt ngữ tên họ kèm tên Thánh (Joseph, Julie). Ngoài ra, còn có cụm 3 mộ đá còn 2 bia đá xanh và khu mộ tháp của cổ Hòa thượng Thích Tâm Thâm (1879) mà theo vị sư trụ trì chùa Trường Thọ (số 55/524 Phan Văn Trị) là Hòa thượng Quảng Tuyên do các đệ tử cải táng về từ một ngôi chùa ở quận Tân Bình.

Trên địa bàn quận Thủ Đức, mộ hợp chắt hiện còn bia “Đại Nam” khắc danh ông Tạ Huy, hiệu Thủ Đức, Tiên hiền thôn Linh Chiểu Đông (藉暉号首德, 灵沼東村前賢) do hương chức bản thôn lập tháng 2 năm Canh Dần (1890). Đặc biệt, nghĩa trang Hồ tộc ở phường Linh Tây liên quan tới vị “Khai quốc công thần” và là ngoại thích triều Nguyễn Tần Hồ Văn Vui (còn gọi là Hồ Văn Bôi) (? - 1804). Hiện còn 2 ngôi mộ hợp chắt nằm trên đường Chương Dương mà gia phả Hồ tộc ghi nhận của võ tướng Hồ Văn Vui và thân mẫu Đỗ Thị Liễn. Theo sử cũ, vua Tự Đức từng lo ngại mộ phần và nhà thờ Hồ tộc ở Biên Hòa bị xâm hại nên đã cử Phan Thanh Giản sang Pháp thương thuyết việc chuộc đất, thể hiện điều 5 Hòa ước Giáp Tuất 15/3/1874: “... Mười một ngôi mộ của họ Phạm... và ba ngôi mộ của họ Hồ ở trong lãnh vực làng Linh Chiểu Tây và Tân Mai (tỉnh Biên Hòa), không được bốc mộ, đào xới, xâm phạm hay đập phá. Sẽ cấp một lô đất rộng 100 mẫu cho các ngôi mộ nhà họ Phạm và một lô tương đương như thế cho nhà họ Hồ. Hoa lợi thu được trên các lô đất này được dùng để gìn giữ và bảo toàn các ngôi mộ và chu cấp các gia đình lo việc trông nom các phần mộ. Các lô đất được miễn các thứ thuế và những người trong dòng họ Phạm, Hồ cũng sẽ được miễn thuế thân, khỏi thi hành quân dịch hay đi dân công” (Vương Hồng Sển 2013: 176). Ở phường Trường Thọ, quần thể 3 mộ cổ hợp chắt trong khuôn viên chùa Linh Sơn rất bề thế nhưng không còn bia đá. Trong khu vực xây dựng Trung tâm Đào tạo kỹ thuật & hướng nghiệp Thủ Đức, quần thể 213 mộ cổ dày đặc khắp gò cát vàng mịn diện tích khoảng 3.000m², chủ yếu kiến tạo bằng đá ong kết hợp hồ vữa hợp chắt, còn bia “Đại Nam” ghi danh Trần Văn Lợi (陳文利) (lập 1913); Nguyễn Văn Điền (阮文佃) (lập 1930); Cổ Thị Bé (古氏閉) (lập 1935); Nguyễn Viêt (阮曰) (mất 1854); Nguyễn công (阮公); Quách Thị Mạc (郭氏漠); Hồ Thị (胡氏) (mất 1862); Nguyễn Thị Nghĩa (阮氏義) (mất 1854); Nguyễn Văn Kỳ (阮文棋) (mất 1864); Đào Văn (陶文) (mất 1866); Nhụ nhân Giang Thị (孀人江氏) (mất 1856); Lê Nguyễn (黎原); Lý công (李公) (mất năm Quang Tự

Bảng 1: Di tồn mộ cổ Sài Gòn - Gia Định xưa (khảo cứu 2006 - 2017)

Quận/Huyện	Chất liệu kiến trúc nổi		Cộng	Kiểu thức mai táng		
	Hợp chắt	Hợp chắt + gạch, đá, đá ong (tôn tạo cement)		Đơn táng	Song táng	Tam táng
Quận 1	6	2	8	4	4	
Quận 2	21	38	59	50	9	
Quận 3	9	2	11	10	1	
Quận 5	5	1	6	4	1	1
Quận 6	4	1	5	5		
Quận 9	3	11	14	11	3	
Quận 10	2	4	6	4	2	
Quận 11	4		4	3	1	
Quận Tân Bình	1	3	4	3	1	
Quận Phú Nhuận	5	11	16	10	6	
Quận Bình Thạnh	1	4	5	4	1	
Quận Gò Vấp	4	6	10	6	4	
Quận Thủ Đức		34	34	33	1	
Huyện Hóc Môn	3	4	7	3	4	
Huyện Củ Chi	3	1	4	2	2	
Quận Tân Phú		3	3	2	1	
Huyện Nhà Bè		3	3	1	2	
Cộng	71	128	199	155	43	1
<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>35,7</i>	<i>64,3</i>	<i>100</i>	<i>77,9</i>	<i>21,6</i>	<i>0,5</i>

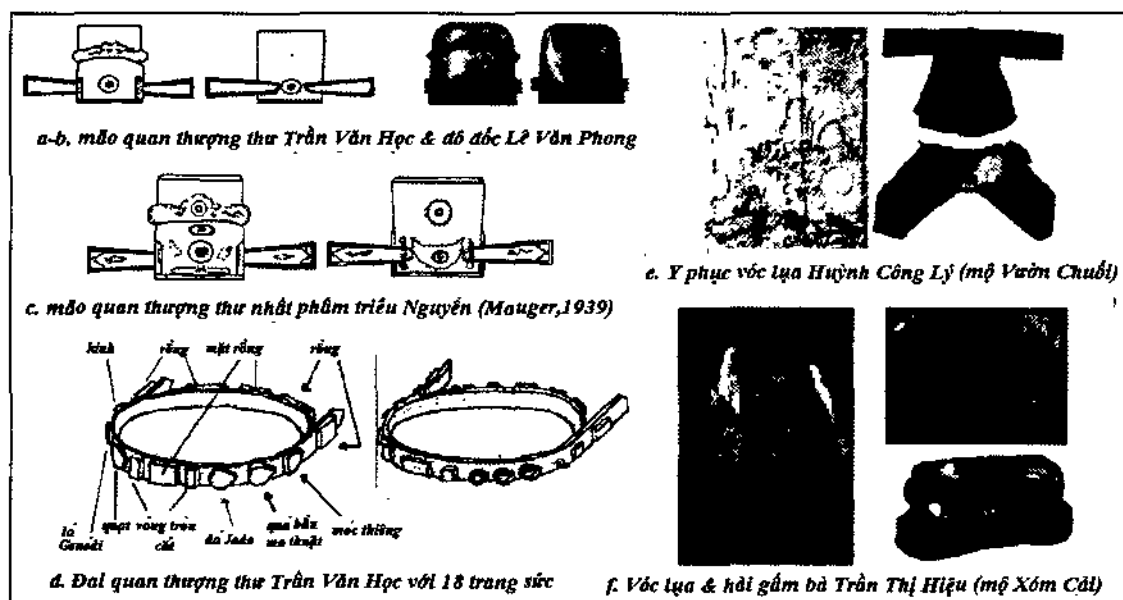
2. Đặc trưng mộ cổ Sài Gòn - Gia Định

Trong địa phận Sài Gòn - Gia Định xưa, 199 di tích xây thuần **hợp chắt** (71 mộ =35,7%) và xây **hợp chắt kết hợp cốt gạch, đá ong, đá phiến** (128 mộ =64,3%), phần lớn di tích xây dựng dành cho **đơn táng** (chôn cất 1 người) (155 mộ =77,9%). Số lượng ít hơn là mộ dành cho **song táng** (chôn cất 2 người) (43 mộ =21,6%) và đặc biệt, có cả **tam táng** (chôn cất 3 người) (Lăng Giáo sư Trương Vĩnh Ký nằm giữa mộ vợ Vương Thị Tho và con trai Trương Vĩnh Thế ở quận 5, Tp. Hồ Chí Minh). Quy mô di tồn khuôn viên đa số cỡ trung bình (5 - 10m) (47,4%), mộ cỡ nhỏ (1,2 - 5m) thường là đơn táng (28,8%), mộ cỡ lớn (10 - 21,35m) thường dành cho song táng quý tộc Nguyễn (21,6%) thường vượt qua quy định lăng tẩm Triều đình cũng chính là một trong những đặc

điểm “phá cách” của các quần thể mộ hợp chất Nam Bộ kéo dài hai thế kỷ thời Minh Mạng - Tự Đức; giống như cách gọi dân gian với không ít danh nhân xứ này đều là “Lăng”: “Lăng Ông Bà Chiêu”, “Lăng Ông”, “Lăng Ông Thượng”, thậm chí cho cả giáo sĩ Pháp “Lăng Cha Cả” từng bị quân thần Huế khép tội “khí Quân” cho cố Tổng trấn Gia Định Thành Tả quân Lê Văn Duyệt vì ông dám gọi mộ mẹ mình là “Lăng” (陵) - thuật ngữ chỉ được phép dành cho nơi yên nghỉ vĩnh hằng của vua và hoàng hậu (Phan Thanh Hải 2011).

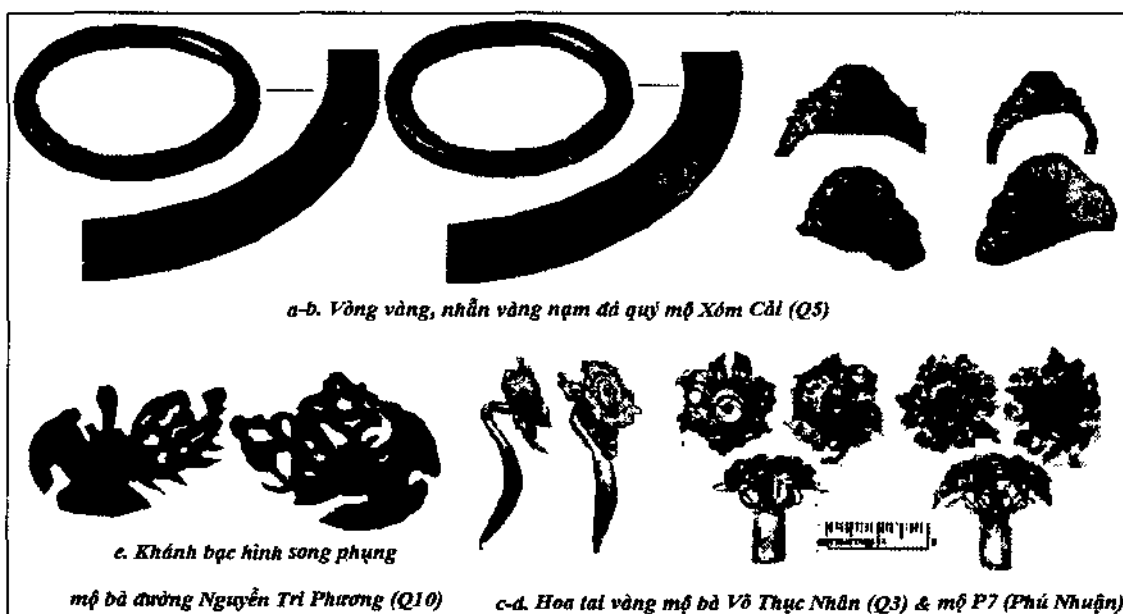
Các mộ thường bố trí trên gò cao có cửa hướng xuống vùng trũng thấp và các dòng sông suối (sông Đồng Nai, sông Sài Gòn và các chi lưu); hoặc nơi “tụ thủy” có ao hồ thiên tạo hay nhân tạo, với minh họa rõ nhất ở cụm mộ quý tộc Nguyễn quận Phú Nhuận đều có cửa hướng ra rạch Thị Nghè. Nhiều nhất là mộ có cửa hướng đông (hoặc lệch 2 - 45°) (52,5%) và hướng nam (hoặc lệch 3 - 50°) (25,8%). Số mộ còn lại có cửa hướng bắc (hoặc 3 - 54°) (15%) và ít nhất là mộ có cửa hướng tây (lệch 7 - 45°) (6,7%).

Với hàng nghìn di sản quý như bia tưởng niệm, các thi hài quý tộc Nguyễn (Thượng thư Trần Văn Học, Đô đốc Lê Văn Phong, Phó Tổng trấn thành Gia Định Huỳnh Công Lý, Chánh thất Tham tri Bộ Lại Võ Thục nhân, phu nhân “Hoàng gia cung liệm” Trần Thị Hiệu...), cùng phẩm phục, đồ trang sức, đồ quan dụng thường trà, thường rượu, ăn trầu, ngân lượng các loại như “Thái Bình thông bảo” (太平通寶) 1736, “Thuận Trị thông bảo” (順治通寶) (1644 - 1661), “Khang Hy thông bảo” (康熙通寶) (1662 - 1722), kinh sách Phật giáo... (Hình 2 - 8), mộ táng thời Nguyễn ở Sài Gòn - Gia Định xưa góp phần khắc họa *các đặc điểm riêng Nam Bộ*, đặc biệt về sự ghi nhận của nhân dân với những bậc tiền nhân có công dựng nước, những ông Thần bản địa (Thành hoàng) “*huyền thoại linh hiển*” của cả người Việt lẫn người Hoa, Khmer và các tộc người bản xứ. Ví dụ nổi bật là Tổng đốc Lê Văn Duyệt mà các học giả ngoại quốc từng nhận xét: “Dù là người Việt Nam bản xứ hay người Hoa định cư, tín đồ Phật giáo hay Thiên Chúa giáo, dân chúng Sài Gòn đều nhiệt thành tôn kính Lê Văn Duyệt - Vị Anh hùng địa phương người Nam Bộ... Trong tâm tưởng của người Nam Bộ, Lê Văn Duyệt là vị Chương cơ đáng kính. Vì vậy, ông cũng là người gắn bó lâu dài với di sản của họ... Sẽ khó có thể tìm thấy bất cứ nơi nào khác ở Huế hay Hà Nội, nơi mà người dân bất kể nguồn gốc dân tộc hay tôn giáo nói về những vị anh hùng địa phương của họ với sự sùng kính như thế” (Choi, B.W. 2011: 92-94). Di sản lăng tẩm Nguyễn ở Sài Gòn - Gia Định xưa cũng là tài liệu quý góp phần vào công cuộc nghiên cứu tiến trình “hội nhập” dài lâu của các cộng đồng tộc người ngay từ trước thời Minh vương Nguyễn Phúc Chu sai Thống suất Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh đem quân từ Bình Khang, Nha Trang kinh lược mùa xuân Mậu Dần (1698), lập Gia Định phủ ở xứ Đồng Nai, đặt huyện Phước Long, dựng *dinh Trấn Biên*; lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng *dinh Phiên Trấn*; mà Đại học sĩ Trịnh Hoài Đức từng miêu tả: “Địa phương Đồng Nai nguyên xưa nhiều ao đầm rừng rú, khi đầu thiết lập 3 dinh (Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ) mộ dân đến ở, pháp chế còn khoan dung giản dị”. “Đất đai mở rộng 1.000 dặm, dân số hơn 4 vạn hộ (khoảng 200.000 người), chiều mộ lưu dân từ Bồ Chánh Châu trở vô Nam đến ở khắp nơi, đặt ra phường ấp xã thôn, chia cắt địa phận, mọi người phân chiếm ruộng đất, chuẩn định thuế đinh, điền và lập sổ bộ dinh điền. Từ đó, con cháu người Tàu ở nơi Trấn Biên thì lập xã Thanh Hà, ở nơi Phiên Trấn thì lập thành xã Minh Hương rồi ghép vào sổ hộ tịch” (Trịnh Hoài Đức 1972).



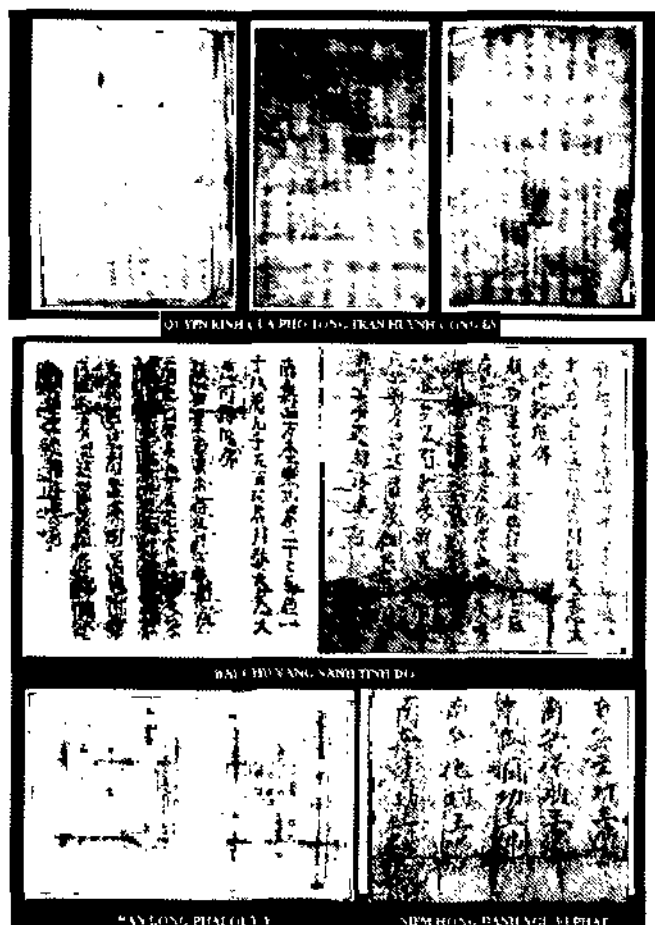
Hình 2. Mào, đai và y phục quý tộc Nguyễn

(Nguồn: Nguyễn Bá Lăng 1967 (H2a-b); Mauger 1939 (H2c-d); Đỗ Đình Truật 1998 (H2e-f))

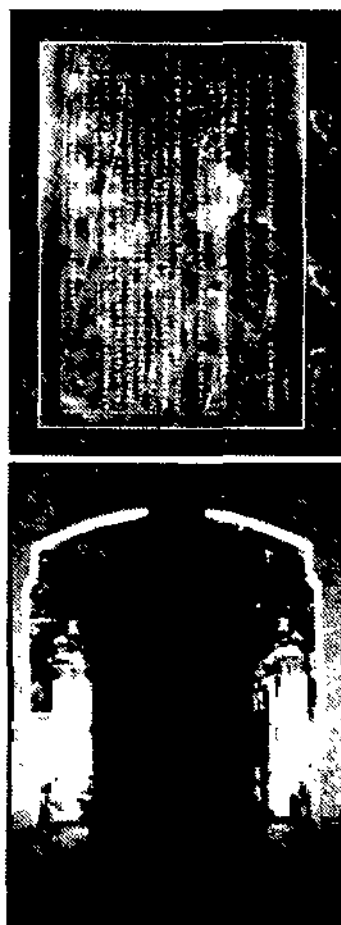


Hình 3. Trang sức quý tộc Nguyễn

(Nguồn: Đỗ Đình Truật 1998 (H33a-b); Nguyễn Chiến Thắng, Đỗ Ngọc Chiến (H3c-e))



Hình 7. Di sản Hán Nôm ở mộ Vườn Chuối (Huỳnh Công Lý) và Xóm Cãi (Trần Thị Hiệu)
(Nguồn: Đỗ Đình Truật 1998)



Hình 8. “Lê Công miếu bử” ở lăng Lê Văn Duyệt
(Nguồn: Phạm Đức Mạnh (cb) 2017)

Chú thích:

(1) Là một tờ giấy bản loại dài, được in bằng bản gỗ, viết chữ Hán dùng như một thứ giấy chứng nhận cấp cho các tín đồ Phật giáo khi đã thọ giới.

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh trong khuôn khổ đề tài mã số: B20013-18b-03 (PDM).

TÀI LIỆU DẪN

- CHOI, B.W. 2011. *Vùng đất Nam Bộ dưới triều Minh Mạng*. Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- ĐỖ ĐÌNH TRUẬT 1998. Văn hóa mộ táng ở đất Gia Định. Trong *Góp phần tìm hiểu lịch sử - văn hóa 300 năm Sài Gòn - Tp. Hồ Chí Minh*. Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh: 357-363.
- HUỲNH MINH 1973. *Gia Định xưa và nay*. Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn (Nxb. Thanh niên in lại 2001).
- LÊ TRUNG, PHẠM HỮU CÔNG 1998. Về hai tấm bia mộ thời Nguyễn tại quận 2. Trong *Góp phần tìm hiểu lịch sử - văn hóa 300 năm Sài Gòn - Tp. Hồ Chí Minh*. Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh: 284-303.
- LÊ XUÂN DIỆM, ĐỖ ĐÌNH TRUẬT 1977. Khai quật mộ Vườn Chuối (Thành phố Hồ Chí Minh). *Khảo cổ học*, số 4: 84-89.
- MAUGER 1939. Exhumation des restes du Maréchal Nguyen Van Hoc. *Bulletin de la Société des études Indochinoises (nouvelle série)*, XIV(1-2): 119-128.

- NGUYỄN BÁ LĂNG 1967. Việc cải táng mộ Thiên Vương Thống Chế và ông Tiền Chi tại xã Tân Phong, quận Châu Thành, Biên Hòa. *Khảo cổ*, bộ mới, số 1: 19-21, Bộ Văn hóa Giáo dục, khối Văn hóa, Sài Gòn.
- NGUYỄN HẢI ĐƯỜNG 2007. Bảo tồn mộ cổ ở Tp. Hồ Chí Minh. Trong *Nam Bộ, Đất & Người*, tập V. Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- PHẠM ĐỨC MẠNH 2001. Mộ hợp chất ở Gia Định và Nam Bộ xưa. Trong *Nam Bộ, Đất & Người*, tập I. Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh: 158-187.
- PHẠM ĐỨC MẠNH 2006. Mộ hợp chất trong khuôn viên Viện Pasteur (quận 3, Tp. Hồ Chí Minh). *Khảo cổ học*, số 5: 56-75.
- PHẠM ĐỨC MẠNH 2014. Lạm bàn về niên biểu tục thờ Mẫu và cá tính Nam Bộ trong di sản Đình miếu - Lăng tẩm nữ Quý tộc Nam Bộ thời Cận đại. Trong *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Bộ - bản sắc và giá trị*. Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh: 28-43.
- PHẠM ĐỨC MẠNH 2016. Mộ hợp chất thời Nguyễn ở Nam Bộ. *Khảo cổ học*, số 3: 80-100.
- PHẠM ĐỨC MẠNH, LÊ XUÂN DIỆM 1996. Khai quật quần thể mộ hợp chất Phú Thọ Hòa (Tp. Hồ Chí Minh). *Khảo cổ học*, số 1: 59-73.
- PHẠM ĐỨC MẠNH, NGUYỄN CHIẾN THẮNG 2014. Ghi chú về kết quả khai quật một số mộ cổ ở thành phố Hồ Chí Minh. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2013*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 366-370.
- PHẠM ĐỨC MẠNH (cb), NGUYỄN CHIẾN THẮNG, ĐỖ NGỌC CHIẾN, PHẠM THỊ NGỌC THẢO 2017. *Mộ hợp chất ở Nam Bộ*. đề tài mã số: B20013-18b-03. Tư liệu Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (chưa công bố).
- PHAN THANH HẢI 2011. Lăng mộ Hoàng gia thời Nguyễn tại Huế. *Khảo cổ học*, số 3: 53-81.
- TRẦN HỒNG LIÊN 1995a. Về đồ tùy táng Phật giáo của xác ướp xóm Cái (thành phố Hồ Chí Minh). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1994*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 463-465.
- TRẦN HỒNG LIÊN 1995b. Về ba yếu tố Thiên, Tịnh, Mật trong đồ tùy táng của xác ướp xóm Cái (Thành phố Hồ Chí Minh). *Khảo cổ học*, số 3: 69-73.
- TRẦN HỒNG LIÊN 2008. Phát hiện ngôi mộ cổ ở Tp. Hồ Chí Minh có minh văn đặc biệt trên bia. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2007*. Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội: 374-376.
- TRỊNH HOÀI ĐỨC 1972. *Gia Định thành thông chí* (le traducteur: Tu Trai Nguyễn Tạo), Sài Gòn.
- VƯƠNG HỒNG SẼN 2013. *Sài Gòn năm xưa*. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.

NGUYỄN-PERIOD BURIALS IN OLD SÀI GÒN - GIA ĐỊNH

PHẠM ĐỨC MẠNH

According to the author, 71 of the 199 mausoleums/burials found in old Sài Gòn - Gia Định territory were simply compound ones, and the other 128 burials were built with bricks, laterite and schist. Most of them are single burials (155 individuals), and the others are double burials and rarely triple burials.

In many of the burials there are mummified corpses with fairly intact accompanied goods. In many areas of the mausoleums/burials, there are stelea with the records of the deceased.

The data of the burials with their structures, corpses, accompanied goods and stelea provide a lot of valuable information for the research into the history, the society and the life of the population in the Nguyễn-period.